

Bản án số: 16/2024/LĐ-ST

Ngày: 19 – 4 – 2024

V/v “*Tranh chấp yêu cầu tuyên bố
hợp đồng lao động vô hiệu
và điều chỉnh Sổ bảo hiểm xã hội*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn công Thức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Lin

2. Bà Trần Thị Đồi

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Ý – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Tư – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 117/2023/TLST – LĐ ngày 20 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp yêu cầu hợp đồng lao động vô hiệu và điều chỉnh Sổ bảo hiểm xã hội*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2024/QĐXXST – LĐ ngày 08 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2024/QĐST-LĐ ngày 28 tháng 3 năm 2024 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị Kim N, sinh năm 1986 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Công ty TNHH O (vắng mặt)

Địa chỉ trụ sở: Ấp T, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông CHOE YOUNG KYU – Tổng Giám đốc

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bảo hiểm xã hội tỉnh L (xin vắng mặt)

Địa chỉ trụ sở: Số H T, phường D, thành phố T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: ông Trần S – Giám đốc.

3.2. Bà Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1992 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 10 năm 2023, nguyên đơn bà Trịnh Thị Kim N trình bày:

Từ tháng 06 năm 2004 đến tháng 3 năm 2023, bà Trịnh Thị Kim N vào làm tại Công ty TNHH P tại số D Q, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, bà có tham gia bảo hiểm xã hội theo Sổ bảo hiểm xã hội mã số là 0204188076.

Do bản thân không am hiểu về pháp luật và muốn giúp đỡ bà Nguyễn Ngọc D có thể đi làm tạo thu nhập lo cho gia đình, nên đã cho bà D mượn giấy chứng minh nhân dân tên Trịnh Thị Kim N để bà D đi làm tại Công ty TNHH O trong khoảng thời gian từ tháng 8/2009 đến tháng 11/2009. Khi bà D mang tên bà Trịnh Thị Kim N làm việc tại Công ty TNHH T nay đổi tên là Công ty TNHH O thì bà D cũng tham gia bảo hiểm xã hội theo Sổ bảo hiểm xã hội mã số là 8009017553 (thời điểm này bà D có độ tuổi lao động là 17 tuổi).

Việc bà cho bà D mượn giấy chứng minh nhân dân là không đúng quy định pháp luật và người thực hiện hợp đồng lao động với Công ty TNHH O không phải do bản thân bà N thực hiện. Hiện nay tồn tại hai sổ bảo hiểm xã hội có mã số là 0204188076 và 8009017553 cùng mang tên Trịnh Thị Kim N nên bà N không thể thực hiện việc chốt sổ bảo hiểm được. Do đó bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/ Vô hiệu hợp đồng lao động được xác lập giữa bà Nguyễn Ngọc D (nhưng trên hợp đồng lao động ghi tên là bà Trịnh Thị Kim N) với Công ty TNHH T nay đổi tên là Công ty TNHH O thời gian từ tháng 8 năm 2009 đến tháng 11 năm 2009;

2/ Điều chỉnh Sổ bảo hiểm xã hội mã số 8009017553 cấp cho bà Trịnh Thị Kim N thành tên Nguyễn Ngọc D.

Ngoài ra, bà Trịnh Thị Kim N không có yêu cầu gì khác, không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu.

Bị đơn Công ty TNHH O vắng mặt nên không có văn bản trình bày ý kiến.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Ngọc D có văn bản trình bày: Do bà còn nhỏ tuổi nên có mượn giấy chứng minh nhân dân của bà Trịnh Thị Kim N để vào làm việc tại Công ty TNHH T nay là Công ty TNHH O từ tháng 8/2009 cho đến tháng 11/2009. Bà chưa thực hiện các thủ tục để được hưởng trợ cấp BHXH một lần và chưa hưởng tiền trợ cấp BHTN đối với sổ Sổ bảo hiểm xã hội mã số là 8009017553. Bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà N, đối với việc giải quyết vô hiệu hợp đồng lao động, bà đề nghị giải quyết theo qui định pháp luật. và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh L trình bày: Căn cứ vào hồ sơ, dữ liệu quản lý thu, sổ, thẻ và chính sách BHXH, bảo hiểm y tế, BHTN, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, Bảo hiểm xã hội tỉnh L xác

định Công ty TNHH O có tham gia bảo hiểm cho bà Trịnh Thị Kim N từ tháng 8/2009 đến tháng 11/2009 với số sổ bảo hiểm 8009017553, bà N chưa hưởng trợ cấp BHXH một lần và BHTN với thời gian đóng BHXH, BHTN. Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của vụ án.

Tại Công văn số 09 ngày 02/01/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh L phúc đáp Công ty TNHH T đổi tên thành Công ty TNHH O có mã số doanh nghiệp: 1100742952, địa chỉ trụ sở: Ấp T, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An và đang hoạt động.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Thị Kim N về việc vô hiệu hợp đồng lao động không rõ ngày tháng năm được xác lập giữa bà Nguyễn Ngọc D (nhưng trên hợp đồng lao động ghi tên là bà Trịnh Thị Kim N) với Công ty TNHH T nay đổi tên là Công ty TNHH O thời gian từ tháng 8 năm 2009 đến tháng 11 năm 2009; Điều chỉnh Sổ bảo hiểm xã hội mã số 8009017553 cấp cho bà Trịnh Thị Kim N thành tên Nguyễn Ngọc D. Bởi vì thực tế bà Trịnh Thị Kim N không phải là người lao động mà bà Nguyễn Ngọc D mới là người lao động trực tiếp tại Công ty TNHH O.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị Kim N nêu trên, Hội đồng xét xử thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là: “*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và Điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội*” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 32 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Công ty TNHH O có trụ sở tại xã H, huyện Đ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2]. Về tư cách tố tụng, thời hiệu và phạm vi giải quyết.

Bà Trịnh Thị Kim N người khởi kiện được xác định là nguyên đơn, Công ty TNHH O là người bị kiện được xác định là bị đơn. Bà Nguyễn Ngọc D và Bảo hiểm xã hội tỉnh L được xác định là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Thời hiệu khởi kiện: Bà Trịnh Thị Kim N khởi kiện Công ty TNHH O vì cho rằng quyền lợi bị xâm phạm do hợp đồng giả tạo. Các bên tranh chấp hợp đồng lao động không yêu cầu áp dụng về thời hiệu nên bà Trịnh Thị Kim N có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 190 Bộ luật lao động năm 2019, Điều 184 và Điều 186 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3]. Chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh và luật áp dụng.

Quá trình tố tụng: Chứng cứ bà Trịnh Thị Kim N có nộp Sổ BHXH mã số 0204188076; Bản quá trình đóng bảo hiểm xã hội trùng số 0204188076 và 8009017553 cùng mang tên Trịnh Thị Kim N.

Tòa án xét xử trên cơ sở chứng cứ do người khởi kiện cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập khi thấy cần thiết theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bộ luật Lao động để áp dụng giải quyết tranh chấp: Các bên tranh chấp hợp đồng lao động trong thời gian từ tháng 8/2009 đến tháng 11/2009 nên Bộ luật Lao động được áp dụng để giải quyết tranh chấp là Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007). Thời điểm giải quyết tranh chấp thì Bộ luật Lao động năm 2019 và Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đang có hiệu lực pháp luật nên được áp dụng.

Tòa án lập biên bản về kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hợp đồng lao động: Bà Trịnh Thị Kim N khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được xác lập giữa bà Trịnh Thị Kim N nhưng do bà Nguyễn Ngọc D là người trực tiếp lao động với Công ty TNHH T nay đổi tên là Công ty TNHH O thời gian từ tháng 8 năm 2009 đến tháng 11 năm 2009 là vô hiệu. Tuy nhiên bà Trịnh Thị Kim N không cung cấp được hợp đồng lao động và bà D cũng không cung cấp được Sổ bảo hiểm xã hội do bị thất lạc. Căn cứ vào Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An xác định Công ty TNHH O có tham gia bảo hiểm cho bà Trịnh Thị Kim N từ tháng 8/2009 đến tháng 11/2009 theo Sổ bảo hiểm xã hội mã số 8009017553 nên có căn cứ xác định giữa bà Trịnh Thị Kim N với Công ty TNHH O1 có giao kết hợp đồng lao động, thời hạn hợp đồng từ tháng 8/2009 đến tháng 11/2009.

Xét thấy, bà Trịnh Thị Kim N có cho bà Nguyễn Ngọc D mượn chứng minh nhân dân mang tên Trịnh Thị Kim N để xác lập hợp đồng lao động và trực tiếp tham gia lao động, đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 8/2009 cho đến tháng 11/2009 tại Công ty TNHH T nay đổi tên là Công ty TNHH O theo sổ BHXH mã số

8009017553. Trong khi đó bà Trịnh Thị Kim N cũng trực tiếp tham gia lao động tại Công ty TNHH P từ tháng 06 năm 2004 đến tháng 3 năm 2023, bà N cũng tham gia đóng bảo hiểm xã hội theo Sổ bảo hiểm xã hội mã số là 0204188076.

Như vậy có căn cứ xác định trong khoảng thời gian từ tháng 8 năm 2009 đến tháng 11 năm 2009 thì người mang tên Trịnh Thị Kim N cùng lúc tham gia bảo hiểm xã hội tại hai doanh nghiệp là Công ty TNHH T nay đổi tên là Công ty TNHH O và Công ty TNHH P.

Do đó, việc bà Nguyễn Ngọc D trực tiếp tham gia lao động với Công ty TNHH O nhưng xác lập hợp đồng lao động với tên người lao động là Trịnh Thị Kim N là vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007), vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ Luật Lao động, vi phạm các hành vi bị cấm như gian lận, giả mạo hồ sơ trong việc thực hiện BHXH, BHTN theo quy định tại khoản 4 Điều 17 của Luật BHXH số 58/2014/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2014 nên có cơ sở xác định hợp đồng lao động được xác lập giữa Trịnh Thị Kim N với Công ty TNHH T nay đổi tên là Công ty TNHH O là không có hiệu lực.

Từ các nhận định nêu trên, xét yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị Kim N là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.2]. Về hậu quả của hợp đồng lao động bị vô hiệu bà Nguyễn Ngọc D, Công ty TNHH O, Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An không có yêu cầu nên không đề cập xem xét, giải quyết.

[3]. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trịnh Thị Kim N tự nguyện chịu án phí lao động sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 184, Điều 186 Điều 68, Điều 91, Điều 93, Điều 97, Điều 147, Điều 195, Điều 196, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007);

Căn cứ khoản 1 Điều 15; Điều 190 Bộ Luật Lao động năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị Kim N về việc: “*Tranh chấp yêu cầu hợp đồng lao động vô hiệu và điều chỉnh Sổ bảo hiểm xã hội*” với Công ty TNHH T nay đổi tên là Công ty TNHH O.

1.1. Tuyên bố vô hiệu hợp đồng lao động không rõ ngày tháng năm được xác lập giữa bà Nguyễn Ngọc D (nhưng trên hợp đồng lao động ghi tên là bà Trịnh Thị Kim N) với Công ty TNHH T nay đổi tên là Công ty TNHH O thời gian từ tháng 8 năm 2009 đến tháng 11 năm 2009;

1.2. Điều chỉnh Sổ bảo hiểm xã hội mã số 8009017553 cấp cho bà Trịnh Thị Kim N do Công ty TNHH T nay đổi tên là Công ty TNHH O nộp từ tháng 8 năm 2009 đến tháng 11 năm 2009 tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An thành tên bà Nguyễn Ngọc D.

Bà Trịnh Thị Kim N được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo hợp đồng lao động được xác lập giữa bà Trịnh Thị Kim N với Công ty TNHH P.

Bà Nguyễn Ngọc D được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo hợp đồng lao động được xác lập giữa bà Nguyễn Ngọc D với Công ty TNHH T nay đổi tên là Công ty TNHH O theo Sổ bảo hiểm xã hội mã số 8009017553 đã được điều chỉnh.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Bà Trịnh Thị Kim N tự nguyện chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí lao động sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước.

3. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Công Thức

